TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27- 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hương
2. Ông Nguyễn Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thể Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc "*tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Xuân L, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: đường L, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1956; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: đường L, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2017, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Xuân L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1982, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/1982 tại Ủy ban nhân dân phường 7, thị xã M, tỉnh Minh Hải (nay là Ủy Ban nhân dân phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu). Trong quá trình chung sống ông Q là người gia trưởng, ràng buộc bà trong sinh hoạt cá nhân và trong công việc, thậm chí ông Q dùng lời lẽ miệt thị và đánh bà. Thực tế từ năm 2012 ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến năm 2014 bà đã sống ly thân với ông Q mặc dù ông bà vẫn sống chung trong cùng một nhà nhưng không còn nói chuyện và sinh hoạt cùng nhau. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà L xác định quá trình chung sống bà và ông Q có 02 người con chung là anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1984, anh T và chị T đều đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng có tài sản chung là có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại đường L, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, tài sản này bà tự thỏa thuận với ông Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định ông bà không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2017 ông Q trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định hôn nhân của ông và bà L là tự nguyện, thời gian chung sống và có đăng kết hôn như bà L trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống ông và bà L rất hạnh phúc, thực tế không có xảy ra mâu thuẫn gì, đôi khi có xảy ra cự cãi do không thống nhất trong sinh hoạt gia đình hiện nay ông bà vẫn sống chung trong cùng một nhà, không có việc sống ly thân từ năm 2012 như bà L trình bày. Thực tế, chỉ từ đầu năm 2017 đến nay ông và bà L mới không nói chuyện với nhau và chuyện ai nấy làm do bà L có quan hệ bạn bè với một số người ông không đồng ý nhưng bà L vẫn duy trì mối quan hệ trên. Nay, ông Q không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà L do mâu thuẫn giữa ông bà không lớn có thể hàn gắn được.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà L, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về vụ án:*

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Dương Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] *Về tố tụng dân sự:*

- *Thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Dương Thị Xuân L yêu cầu ly hôn với ông

Nguyễn Hoàng Q, xét đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đồng thời bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc xét xử vắng mặt bị đơn*: Ngày 05/9/2017, bị đơn có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm 1982 bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/1982 tại Ủy ban nhân dân phường 7, thị xã M, tỉnh Minh Hải (nay là Ủy Ban nhân dân phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu). Hôn nhân giữa bà L và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định và được pháp luật bảo vệ.

Bà Dương Xuân L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q do mâu thuẫn giữa bà và ông Q đã phát sinh từ nhiều năm từ khi các con ông bà còn nhỏ, xuất phát từ việc ông Q là người chồng gia trưởng luôn quyết định mọi vấn đề theo ý kiến của ông Q, khi không hài lòng vấn đề gì ông thể hiện sự thiếu tôn trọng bà qua cử chỉ và lời nói xúc phạm bà. Thực tế, tuy bà và ông Q sống chung cùng 01 nhà nhưng đã sống ly thân, không nói chuyện với nhau, tự sinh hoạt riêng từ năm 2014. Tuy nhiên, ông Q cho rằng không có việc ông bà sống ly thân từ năm 2014 mà chỉ từ đầu năm 2017 ông bà mới không nói chuyện với nhau, chuyện ai nấy làm, mâu thuẫn giữa ông bà không lớn có thể hàn gắn được nên ông Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Mặc dù ông Q cho rằng ông và bà L chỉ mâu thuẫn với nhau từ năm 2017 nhưng anh Nguyễn Hoàng T và chị Nguyễn Thị Thủy T là con của ông Q và bà L đều thống nhất xác định tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 24/8/2017 là khoảng 03 năm nay cha mẹ anh chị đã không nói chuyện, không sinh hoạt cùng nhau cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mặc dù anh chị cũng có tạo điều kiện để cha mẹ hàn gắn nhưng ông bà không đồng ý, cuộc sống gia đình nặng nề không còn hạnh phúc như xưa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy ông Q không thừa nhận ông bà mâu thuẫn với nhau từ năm 2014 nhưng bản thân ông Q cũng thừa nhận từ đầu năm 2017 ông bà đã không còn nói chuyện với nhau, chuyện ai nấy làm việc này cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Q là có xảy ra trên thực tế. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã mời các đương sự hòa giải để nhằm đã tạo điều kiện để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Q vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bà L kiên quyết ly hôn với ông Q vì cho rằng không còn tình cảm với ông Q, cũng không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân. Xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, tuy ông Q không đồng ý ly hôn nhưng bà L kiên quyết ly hôn với ông Q do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với ông Q, vì vậy nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Xuân L được

ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1984, cả 02 anh chị đều đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông có tài sản chung là có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại đường L, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, tài sản này ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà không có nợ ai và cũng không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự*: Bà Dương Thị Xuân L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Dương Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

2/. *Về con chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1984, cả 02 anh chị đều đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng,ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3/. *Về tài sản chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4/. *Về nợ chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5/. *Về án phí*: Bà Dương Thị Xuân L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà L đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007607 ngày 03/8/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố

Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Q vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho ông Q.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. B;
-Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Quỳnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 9 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 27 tháng 9 năm 2017.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh
- Các Hội thẩm nhân dân: ……..
……

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Xuân L
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Q

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 các nội dung sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Dương Thị Xuân L được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

2/. *Về con chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh năm 1984, cả 02 anh chị đều đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng,ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3/. *Về tài sản chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4/. *Về nợ chung*: Bà Dương Thị Xuân L và ông Nguyễn Hoàng Q thống nhất xác định ông bà không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5/. *Về án phí*: Bà Dương Thị Xuân L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà L đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007607 ngày 03/8/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà L có quyền kháng cáo bản án. Riêng ông Q vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi …. giờ….. phút, ngày 27 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng

nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Quỳnh